

Số: **4036** /BKHĐT-HTXV/v Xây dựng kế hoạch phát triển
kinh tế tập thể năm 2015

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2014

Kính gửi:

- Các Bộ: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Công Thương; Giao thông vận tải; Xây dựng;
- Ngân hàng nhà nước Việt Nam;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Liên minh HTX Việt Nam.

Nhằm phục vụ kịp thời công tác xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể năm 2015 của cả nước, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các bộ, ngành, UBND các tỉnh thành phố trực thuộc trung ương (kể cả các tỉnh, thành phố tự cân đối được ngân sách) và Liên minh HTX Việt Nam căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao về kế hoạch phát triển kinh tế tập thể năm 2014, các văn bản hướng dẫn của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và tình hình cụ thể của đơn vị, địa phương mình, khẩn trương xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế tập thể năm 2015 (*hướng dẫn đính kèm*), đồng thời đưa vào nội dung phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, ngành mình. Báo cáo bằng văn bản về Bộ Kế hoạch và Đầu tư trước ngày 5/8/2014 (*gửi kèm bản mềm về Vụ Hợp tác xã, Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo địa chỉ vuhtx@mpi.gov.vn*).

Đề nghị các bộ, ngành, Liên minh HTX Việt Nam và UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thứ trưởng Đặng Huy Đông (để b/c);
- Sở KH&ĐT các tỉnh, thành phố;
- Các hội: Nông dân Việt Nam, TW Đoàn thanh niên LHPN Việt Nam, Cựu chiến binh Việt Nam (để phổ hợp thực hiện);
- Lưu: Vụ HTX, VT.

5440

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG****Đặng Huy Đông**

ĐỀ CƯƠNG HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG
KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2015
(Kèm theo Công văn số 4036 /BKHTT-HTX ngày 26 tháng 6 năm 2014 của
Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

Phần thứ nhất

**ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ 6 THÁNG
ĐẦU NĂM VÀ DỰ KIẾN NĂM 2014**

I. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1.1. Về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác

Đánh giá kết quả đạt được dựa trên một số tiêu chí cụ thể sau:

- Tổng số hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác (trong đó nêu rõ: số lượng thành lập mới, giải thể của mỗi loại); so với năm 2013.
- Doanh thu bình quân của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác (trong đó bao gồm doanh thu đối với thành viên và doanh thu đối với thị trường bên ngoài thành viên); so với năm 2013.
- Lợi nhuận bình quân và tỷ suất lợi nhuận (lợi nhuận/vốn) của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; so với năm 2013.

1.2. Về thành viên, lao động của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác

Đánh giá kết quả đạt được dựa trên một số tiêu chí cụ thể sau:

- Tổng số thành viên của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác (trong đó nêu rõ: số lượng thành viên mới gia nhập, rút khỏi của mỗi loại); so với năm 2013.
- Tổng số lao động làm việc thường xuyên trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác (trong đó nêu rõ số lao động đồng thời là thành viên của mỗi loại); so với năm 2013.
- Thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; so với năm 2013.

1.3. Về trình độ cán bộ quản lý hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác

Đánh giá kết quả đạt được dựa trên một số tiêu chí cụ thể sau:

- Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác; so với năm 2013.

- Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác đạt trình độ sơ cấp, trung cấp; so với năm 2013.

- Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác đạt trình độ cao đẳng, đại học; so với năm 2013.

II. ĐÁNH GIÁ THEO LĨNH VỰC

Đánh giá theo các lĩnh vực: nông – lâm – ngư nghiệp; công nghiệp – tiểu thủ công nghiệp; xây dựng; tín dụng; thương mại; vận tải và lĩnh vực khác.

Đối với mỗi lĩnh vực cần đánh giá dựa trên các tiêu chí:

- Số lượng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác đang hoạt động.
- Số lượng thành viên tham gia.
- Số lượng lao động làm việc thường xuyên (trong đó có số lượng lao động đồng thời là thành viên).
- Doanh thu bình quân của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác (trong đó có doanh thu đối với thành viên và doanh thu đối với thị trường bên ngoài thành viên).
- Lợi nhuận bình quân của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác.
- Thu nhập bình quân của lao động làm việc thường xuyên trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác.

III. NHỮNG THUẬN LỢI, KHÓ KHĂN VÀ NGUYÊN NHÂN

IV. NÊU KẾT QUẢ THỰC HIỆN PHÁP LUẬT VÀ CHÍNH SÁCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ

1. Kết quả triển khai Luật và các văn bản hướng dẫn

1.1. Ở cấp trung ương

Đánh giá tình hình xây dựng, ban hành và triển khai thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan tới lĩnh vực kinh tế tập thể; liệt kê tên văn bản, số, ngày ban hành (nếu có).

1.2. Ở cấp địa phương

Đánh giá tình hình, kết quả triển khai Luật và các chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể (bao gồm: chính sách hỗ trợ của TW và chính sách hỗ trợ của địa phương), tình hình xây dựng các chương trình, đề án của địa phương nhằm tạo điều kiện cho kinh tế tập thể phát triển; tình hình tuyên truyền, nâng cao nhận thức của cán bộ, nhân dân đối với kinh tế tập thể.

2. Kết quả triển khai chính sách hỗ trợ, ưu đãi hợp tác xã

- Đánh giá về kết quả đạt được và những khó khăn trong việc triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi hợp tác xã đã được thực hiện.

- Về chính sách hỗ trợ thành lập mới, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ hợp tác xã, báo cáo cụ thể các nội dung sau:

- + Tổng kinh phí thực hiện (trong đó nêu cụ thể NSTW, NSDP).
- + Tổng số hợp tác xã được hỗ trợ thành lập mới và kinh phí hỗ trợ.
- + Tổng số lượt học viên được tham gia đào tạo, bồi dưỡng và kinh phí hỗ trợ.

Phần thứ hai

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2015

I. MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ NĂM 2015

1. Dự báo những thuận lợi, khó khăn

2. Một số mục tiêu cụ thể

- Đóng góp vào GDP.
- Số lượng hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác.
- Số lượng thành viên hợp tác xã, tổ hợp tác.
- Doanh thu bình quân của hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác.
- Thu nhập bình quân của người lao động trong hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác.
- Tỷ lệ cán bộ hợp tác xã đạt trình độ sơ, trung cấp.
- Tỷ lệ cán bộ hợp tác xã đạt trình độ cao đẳng, đại học.

II. CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ TẬP THỂ

1. Tuyên truyền, tập huấn Luật Hợp tác xã năm 2012

Dự kiến kế hoạch tuyên truyền, tập huấn Luật Hợp tác xã năm 2012 nhằm thống nhất nhận thức trong toàn bộ hệ thống chính trị về bản chất hợp tác xã và các quy định trong Luật mới về hợp tác xã.

2. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về kinh tế tập thể

Các địa phương tổ chức kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về kinh tế tập thể tại địa phương mình theo hướng thành lập bộ phận chuyên trách trực thuộc các sở (có thể là phòng hoặc nhóm cán bộ chuyên trách khoảng 1-2 người) nhằm thực hiện quản lý nhà nước về hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác theo

lĩnh vực được phân công trên phạm vi cấp tỉnh. Ở cấp huyện, bố trí ít nhất một cán bộ chuyên trách về kinh tế tập thể.

3. Thực hiện chính sách hỗ trợ, ưu đãi phát triển kinh tế tập thể

Các địa phương căn cứ Điều 6 Luật Hợp tác xã năm 2012, Nghị định số 193/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về hướng dẫn chi tiết một số điều của Luật Hợp tác xã và tình hình thực tế của địa phương mình, chủ động xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí trong ngân sách địa phương để hỗ trợ phát triển hợp tác xã. Trước mắt, cần tập trung vào một số nhiệm vụ chủ yếu sau:

- Hỗ trợ thành lập mới hợp tác xã hoạt động theo Luật Hợp tác xã năm 2012.

- Tổ chức, củng cố lại hoạt động của các hợp tác xã thành lập trước khi Luật Hợp tác xã năm 2012 có hiệu lực thi hành:

- + UBND tỉnh chỉ đạo Sở Kế hoạch và Đầu tư, Liên minh hợp tác xã tỉnh và các đơn vị liên quan hướng dẫn hợp tác xã trong việc rà soát lại điều lệ, tổ chức đại hội thành viên để củng cố lại hoạt động của hợp tác xã, bảo đảm phù hợp với quy định của Luật Hợp tác xã và các văn bản hướng dẫn.

- + Trường hợp hợp tác xã đang hoạt động nhưng không thể tổ chức lại cho phù hợp với quy định của Luật, có nhu cầu giải thể, chuyển đổi sang hình thức tổ chức khác thì UBND tỉnh tạo điều kiện để hợp tác xã tiến hành giải thể, chuyển đổi.

- + Trường hợp hợp tác xã chỉ có tên nhưng đã không còn hoạt động thì tiến hành giải thể bắt buộc, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, xóa tên trong sổ đăng ký kinh doanh.

- Tập trung vào công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý và thành viên hợp tác xã, trong đó chú trọng nội dung tuyên truyền Luật Hợp tác xã.

- Đối với các nội dung hỗ trợ khác: các địa phương chủ động xây dựng kế hoạch và bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương để thực hiện. Sau khi Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển hợp tác xã giai đoạn 2015-2020, Bộ Kế hoạch và Đầu tư sẽ có hướng dẫn cụ thể để các địa phương thực hiện. UBND các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long chỉ đạo hỗ trợ các hợp tác xã nông nghiệp phát triển quy mô lớn, tạo cơ sở hình thành và phát triển các liên hiệp hợp tác xã đối với 3 ngành hàng chủ lực là lúa gạo, trái cây và thủy sản nhằm mục đích gắn kết chuỗi giá trị nông sản và mang lại lợi ích cho nông dân. UBND các tỉnh, thành phố khác chỉ đạo hỗ trợ phát triển các hợp tác xã điểm nhằm phát huy thế mạnh tiềm năng kinh tế của địa phương./.



**Biểu 1: Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế tập thể năm 2014
và kế hoạch năm 2015**

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện năm 2013 | Năm 2014 | | Kế hoạch năm 2015 |
|-----------|---|----------------|--------------------|-------------------|---------------|-------------------|
| | | | | Kế hoạch năm 2014 | Ước TH cả năm | |
| I | Hợp tác xã | | | | | |
| 1 | Tỷ trọng đóng góp vào GDP | % | | | | |
| 2 | Tổng số hợp tác xã | HTX | | | | |
| | Trong đó: | | | | | |
| | Số hợp tác xã thành lập mới | HTX | | | | |
| | Số hợp tác xã giải thể | HTX | | | | |
| 3 | Tổng số liên hiệp hợp tác xã | LH HTX | | | | |
| | Trong đó: | | | | | |
| | Số liên hiệp HTX thành lập mới | LH HTX | | | | |
| | Số liên hiệp HTX giải thể | LH HTX | | | | |
| 4 | Tổng số thành viên | người | | | | |
| | Trong đó: | | | | | |
| | Số thành viên mới | người | | | | |
| 5 | Tổng số lao động thường xuyên trong hợp tác xã | người | | | | |
| | Trong đó: | | | | | |
| | Số lao động thường xuyên mới | người | | | | |
| | Số lao động là thành viên hợp tác xã | người | | | | |
| 6 | Doanh thu bình quân một hợp tác xã | triệu đồng/năm | | | | |
| | Trong đó: | | | | | |
| | Doanh thu của HTX với thành viên | triệu đồng/năm | | | | |
| 7 | Lợi nhuận bình quân một hợp tác xã | triệu đồng/năm | | | | |
| 8 | Thu nhập bình quân của lao động thường xuyên trong hợp tác xã | triệu đồng/năm | | | | |
| 9 | Tổng số cán bộ quản lý hợp tác xã | người | | | | |
| | Trong đó: | | | | | |
| | Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ sơ, trung cấp | người | | | | |
| | Số cán bộ quản lý HTX đã qua đào tạo đạt trình độ cao đẳng, đại học trở lên | người | | | | |
| II | Tổ hợp tác | | | | | |
| 1 | Tổng số tổ hợp tác | THT | | | | |
| | Trong đó: | | | | | |
| | Số tổ hợp tác thành lập mới | THT | | | | |
| | Số THT có đăng ký hoạt động với chính quyền xã/phường/thị trấn | THT | | | | |
| 2 | Tổng số thành viên tổ hợp tác | thành viên | | | | |
| | Trong đó: | | | | | |
| | Số thành viên mới thu hút | thành viên | | | | |
| 3 | Doanh thu bình quân một tổ hợp tác | triệu đồng/năm | | | | |
| 4 | Lợi nhuận bình quân một tổ hợp tác | triệu đồng/năm | | | | |

Biểu 2: Số lượng hợp tác xã phân loại theo ngành nghề đối với hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác năm 2014 và kế hoạch năm 2015

| STT | Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Thực hiện năm 2013 | Năm 2014 | | Kế hoạch năm 2015 |
|----------|---|----------------|-----------------------|----------------------|------------------|----------------------|
| | | | | Kế hoạch năm 2014 | Ước TH cả năm | |
| 1 | HỢP TÁC XÃ | | | | | |
| | Tổng số hợp tác xã | HTX | | | | |
| | Chia ra: | | | | | |
| | Hợp tác xã nông - lâm - ngư nghiệp | HTX | | | | |
| | Hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp | HTX | | | | |
| | Hợp tác xã xây dựng | HTX | | | | |
| | Hợp tác xã tín dụng | HTX | | | | |
| | Hợp tác xã thương mại | HTX | | | | |
| | Hợp tác xã vận tải | HTX | | | | |
| | Hợp tác xã khác | HTX | | | | |
| 2 | LIÊN HIỆP HỢP TÁC XÃ | | | | | |
| | Tổng số LH hợp tác xã | LHHTX | | | | |
| | Chia ra: | | | | | |
| | LH hợp tác xã nông - lâm - ngư nghiệp | LHHTX | | | | |
| | LH hợp tác xã công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp | LHHTX | | | | |
| | LH hợp tác xã xây dựng | LHHTX | | | | |
| | LH hợp tác xã tín dụng | LHHTX | | | | |
| | LH hợp tác xã thương mại | LHHTX | | | | |
| | LH hợp tác xã vận tải | LHHTX | | | | |
| | LH hợp tác xã khác | LHHTX | | | | |
| 3 | TỔ HỢP TÁC | | | | | |
| | Tổng số tổ hợp tác | THT | | | | |
| | Chia ra: | | | | | |
| | Tổ hợp tác nông - lâm - ngư nghiệp | THT | | | | |
| | Tổ hợp tác công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp | THT | | | | |
| | Tổ hợp tác xây dựng | THT | | | | |
| | Tổ hợp tác tín dụng | THT | | | | |
| | Tổ hợp tác thương mại | THT | | | | |
| | Tổ hợp tác vận tải | THT | | | | |
| | Tổ hợp tác khác | THT | | | | |

Biểu 3: Kết quả hỗ trợ phát triển kinh tế tập thể năm 2014 và kế hoạch hỗ trợ năm 2015

| STT | Nội dung hỗ trợ | Đơn vị | Thực hiện năm 2013 | Ước thực hiện năm 2014 | Kế hoạch năm 2015 |
|-----------|--|---------|--------------------|------------------------|-------------------|
| I | HỖ TRỢ CHUNG ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ | | | | |
| 1 | Hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực | | | | |
| | - Số người được cử đi đào tạo | người | | | |
| | Tổng kinh phí hỗ trợ | tr đồng | | | |
| | - Số người được tham gia bồi dưỡng | người | | | |
| | Tổng kinh phí hỗ trợ | tr đồng | | | |
| 2 | Hỗ trợ về xúc tiến thương mại, mở rộng thị trường | | | | |
| | - Số hợp tác xã được hỗ trợ | HTX | | | |
| | Tổng kinh phí hỗ trợ | tr đồng | | | |
| 3 | Hỗ trợ về ứng dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ mới | | | | |
| | - Số hợp tác xã được hỗ trợ | HTX | | | |
| | Tổng kinh phí hỗ trợ | tr đồng | | | |
| 4 | Hỗ trợ về tiếp cận vốn và quỹ hỗ trợ phát triển hợp tác xã | | | | |
| | - Số hợp tác xã được hỗ trợ | HTX | | | |
| | Tổng số vốn được vay | tr đồng | | | |
| 5 | Tạo điều kiện tham gia các chương trình mục tiêu, chương trình phát triển kinh tế - xã hội | | | | |
| | - Số hợp tác xã được hỗ trợ | HTX | | | |
| 6 | Hỗ trợ thành lập mới | | | | |
| | - Số hợp tác xã được hỗ trợ | HTX | | | |
| | Tổng kinh phí hỗ trợ | tr đồng | | | |
| II | HỖ TRỢ RIÊNG ĐỐI VỚI HỢP TÁC XÃ NÔNG, LÂM, NGƯ, DIỆM NGHIỆP | | | | |
| 1 | Hỗ trợ đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng | | | | |
| | - Số hợp tác xã được hỗ trợ | HTX | | | |
| | Tổng kinh phí hỗ trợ | tr đồng | | | |
| 2 | Hỗ trợ giao đất, cho thuê đất | | | | |
| | - Số hợp tác xã được hỗ trợ giao đất | HTX | | | |
| | Tổng diện tích đất được giao | m2 | | | |
| | - Số hợp tác xã được hỗ trợ cho thuê đất | HTX | | | |
| | Tổng diện tích đất được cho thuê | m2 | | | |
| 3 | Ưu đãi về tín dụng | | | | |
| | - Số hợp tác xã được hỗ trợ | HTX | | | |
| | Tổng số vốn được vay ưu đãi | tr đồng | | | |
| 4 | Hỗ trợ vốn, giống khi gặp khó khăn do thiên tai, dịch bệnh | | | | |
| | - Số hợp tác xã được hỗ trợ | HTX | | | |
| | Tổng số tiền được hỗ trợ | tr đồng | | | |
| 5 | Hỗ trợ về chế biến sản phẩm | | | | |
| | - Số hợp tác xã được hỗ trợ | HTX | | | |
| | Tổng kinh phí hỗ trợ | tr đồng | | | |